

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CÔNG AN - BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH - UBTUMTTQVN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2008

Số: 01/2008/NQLT-BLĐTBXH-BCA-
BVHTTDL-UBTUMTTQVN

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
ĐANG	Số: 1082642
ĂN	Ngày 25.8.2008
ĐẾN	Chuyển cho
Lưu hồ sơ	

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH

**Về việc ban hành “Các tiêu chí phân loại, chấm điểm đánh giá
và biểu thống kê báo cáo về công tác xây dựng xã, phường, thị trấn
lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm”**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ CÔNG AN -
BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH - ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Công an; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm ở xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Công an; Cục trưởng Cục Văn hoá cơ sở Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Trưởng ban Phong trào Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch này “Các tiêu chí phân loại, chấm điểm đánh giá và biểu thống kê báo cáo về công tác xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm”.

Điều 2. Nghị quyết liên tịch này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế “Các tiêu chí phân loại, chấm điểm đánh giá và biểu thống kê báo cáo về công tác xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm” ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT-BLĐTBXH-BCA-BVHTTDL-UBTUMTTQVN ngày 17/11/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 3.

1. Thủ trưởng các cơ quan thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; Công an; Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết liên tịch này.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Công an; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG
 Đã ký: Thượng tướng Lê Thế Kiệm
KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HOÁ THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THỨ TRƯỞNG
 Đã ký: Huỳnh Vĩnh ái

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
 Đã ký: Nguyễn Tấn Dũng
TM. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
ỦY VIÊN
 Đã ký: Hà Thị Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM**SAO LỤC**

Số: 61/SL

Hoàn Kiếm, ngày 26 tháng 9 năm 2008

Nơi nhận:

- TT Quận ủy
- TT HĐND quận
- CT, Các PCT
- UB MTTQ
- Phòng VH TT, LĐTBXH, Công an quận
- UBND các phường

TL/ỦY BAN NHÂN DÂN
KT/CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG



Nguyễn Chí Lực

PHÂN NHÓM TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Chia thành 4 nhóm:

Nhóm I: là nhóm tỉnh, thành phố đặc biệt trọng điểm, gồm những tỉnh, thành phố có tỷ lệ người nghiện ma túy và người bán dâm so với dân số trong tỉnh chiếm 0,6% trở lên.

Nhóm II: là nhóm tỉnh, thành phố trọng điểm gồm những tỉnh, thành phố có tỷ lệ người nghiện ma túy và người bán dâm so với dân số trong tỉnh chiếm từ 0,1% - dưới 0,6%, có khu đô thị, khu du lịch tập trung nhiều tệ nạn ma túy, mại dâm.

Nhóm III: là nhóm tỉnh, thành phố có nhiều tệ nạn ma túy, mại dâm, gồm những tỉnh có tỷ lệ người nghiện ma túy và người bán dâm so với dân số trong tỉnh chiếm từ 0,05% - dưới 0,1%.

Nhóm IV: là nhóm tỉnh, thành phố có ít tệ nạn ma túy, mại dâm, gồm những tỉnh, thành phố có tỷ lệ người nghiện ma túy và người bán dâm so với dân số trong tỉnh chiếm từ dưới 0,05% trở xuống.

Biểu 1- 08

Nhóm I	Nhóm II		Nhóm III	Nhóm IV
1. Lai Châu	1. Yên Bái	16. Hà Nam	1. Hà Giang	1. Hà Tĩnh
2. Điện Biên	2. Cao Bằng	17. Thái Bình	2. Vĩnh Phúc	2. Quảng Bình
3. Sơn La	3. Lạng Sơn	18. Nghệ An	3. Ninh Bình	3. Quảng Trị
4. Lào Cai	4. Tuyên Quang	19. Đà Nẵng	4. Thanh Hoá	4. Thừa Thiên-Huế
5. Thái Nguyên	5. Bắc Cạn	20. Khánh Hoà	5. Ninh Thuận	5. Quảng Nam
6. Hà Nội	6. Hoà Bình	21. Lâm Đồng	6. Đắk Nông	6. Quảng Ngãi
7. TP Hồ Chí Minh	7. Phú Thọ	22. Bà Rịa -	7. Đồng Nai	7. Bình Định
	8. Bắc Ninh	Vũng Tàu	8. Sóc Trăng	8. Phú Yên
	9. Bắc Giang	23. Bình Dương	9. Vĩnh Long	9. Gia Lai
	10. Hà Tây	24. Bình Phước	10. Kiên Giang	10. Kon Tum
	11. Hải Dương	25. Tây Ninh	11. Cà Mau	11. Đắk Lắk
	12. Hưng Yên	26. Long An		12. Đồng Tháp
	13. Hải Phòng	27. Cần Thơ		13. Tiền Giang
	14. Quảng Ninh	28. An Giang		14. Bình Thuận
	15. Nam Định	29. Bạc Liêu		15. Hậu Giang
				16. Trà Vinh
				17. Bến Tre

* Ghi chú: vì người nghiện ma túy, người bán dâm và dân số trong từng tỉnh, thành phố không cố định, cho nên Biểu 1 - 08 sẽ điều chỉnh lại 03 năm một lần.

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
BỘ CÔNG AN - BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH -
ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

**CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI, CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ BIỂU THỐNG KÊ
BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN LÀNH MẠNH
KHÔNG CÓ TỆ NẠN MA TÚY, MẠI DÂM**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2008/NQLT-BLĐTBXH-BCA-
BVHTTDL-UBTUMTTQVN ngày 28/8/2008)

(Bao gồm 17 trang, từ trang 1-17)

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VỀ THỰC TRẠNG TỆ NẠN MA TUÝ

Biểu 2

Loại xã, phường, thị trấn	Tỉnh, thành phố nhóm I*	Tỉnh, thành phố nhóm II*	Tỉnh, thành phố nhóm III*	Tỉnh, thành phố nhóm IV*
<i>Trọng điểm</i>	Có 100 người nghiện** trở lên hoặc có 5 tụ điểm TNMT trở lên	Có 60 người nghiện** trở lên hoặc có 4 tụ điểm TNMT trở lên	Có 40 người nghiện** trở lên hoặc có 3 tụ điểm TNMT trở lên	Có 20 người nghiện** trở lên hoặc có 2 tụ điểm TNMT trở lên
<i>Có TNMT</i>	Có dưới 100 người nghiện hoặc có từ 1 đến 4 tụ điểm TNMT	Có dưới 60 người nghiện hoặc có từ 1 đến 3 tụ điểm TNMT	Có dưới 40 người nghiện hoặc có 1 tụ điểm TNMT	Có dưới 20 người nghiện hoặc có 1 tụ điểm TNMT
<i>Không có TNMT</i>	- Không có người nghiện ma túy. - Không có tụ điểm TNMT.			

Ghi chú biểu 2 - 08: * Theo phân nhóm tỉnh, thành phố tại biểu 1 - 08.

** Bao gồm cả người nghiện ma túy tạm trú tại xã, phường, thị trấn.

TNMT: tệ nạn ma túy.

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VỀ THỰC TRẠNG TỆ NẠN MẠI DÂM

Biểu 3 - 08

Loại xã, phường, thị trấn	- Thành phố - Thị xã thuộc tỉnh, thành phố nhóm I và II*	- Thị xã thuộc tỉnh, thành phố nhóm III và IV* - Thị trấn	Vùng nông thôn, miền núi
<i>Trọng điểm</i>	Có 5 người bán dâm trở lên** hoặc có 1 tụ điểm mại dâm công cộng trở lên hoặc có 3 cơ sở kinh doanh dịch vụ trở lên bị phát hiện có hoạt động mại dâm.	Có 3 người bán dâm trở lên** hoặc có 3 địa điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ trở lên đã bị phát hiện có hoạt động mại dâm.	Có 2 người bán dâm trở lên** hoặc có 2 địa điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ trở lên đã bị phát hiện có hoạt động mại dâm.
<i>Có TNMD</i>	Có ít hơn 5 người bán dâm hoặc có ít hơn 3 cơ sở kinh doanh dịch vụ bị phát hiện có hoạt động mại dâm.	Có ít hơn 3 người bán dâm hoặc có ít hơn 3 địa điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ đã bị phát hiện có hoạt động mại dâm.	Có ít hơn 2 người bán dâm hoặc có ít hơn 2 địa điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ đã bị phát hiện có hoạt động mại dâm.
<i>Không có TNMD</i>	- Không có người bán dâm, - Không có tụ điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ bị phát hiện hoạt động mại dâm.		

Ghi chú biểu 3 - 08: * Theo phân nhóm tỉnh, thành phố tại biểu 1 - 08.

** Bao gồm cả người bán dâm tạm trú tại xã, phường, thị trấn.

TNMD: tệ nạn mại dâm.

**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ MỨC CHUYỂN HOÁ CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
VỀ PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN MA TUÝ, MẠI DÂM
(GỒM 6 NỘI DUNG, 15 TIÊU CHÍ)**

Biểu 4-08

Mã số	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
	Nội dung 1. Hoạt động chỉ đạo của cấp Ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể	6
1.1-	Ban hành các văn bản chỉ đạo và xây dựng chương trình, kế hoạch hành động về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (đặc biệt là kế hoạch phòng ngừa) và quan tâm chỉ đạo việc thực hiện.	4
1.2-	Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát, giao ban, sơ kết, tổng kết, báo cáo, khen thưởng, kỷ luật về công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm.	2
	Nội dung 2. Triển khai công tác thông tin-giáo dục-truyền thông	8
2.1-	Triển khai thực hiện trọng tâm đồng bộ chương trình, kế hoạch và tổ chức giáo dục, truyền thông về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm đến từng gia đình.	4
2.2-	Thông tin-giáo dục-truyền thông bằng những biện pháp và hình thức phù hợp, tạo được sự đồng tình, ủng hộ trong nhân dân.	4
	Nội dung 3. Hoạt động quản lý địa bàn	7
3.1-	Kiểm tra, giám sát, quản lý địa bàn theo quy định tại Luật Phòng, chống ma túy, Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm, quy định về quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, hợp đồng lao động và thống kê, phân loại, lập hồ sơ quản lý, theo dõi sự biến động của các đối tượng.	3
3.2-	Đề ra và thực hiện biện pháp giải quyết kịp thời và phù hợp với từng loại đối tượng.	4
	Nội dung 4. Xử lý vi phạm	6
4.1-	Phát hiện kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật các vụ vi phạm thuộc thẩm quyền cấp xã; thông báo trong xã, phường, thị trấn về các vụ việc đã xử lý.	4
4.2-	Lập biên bản và chuyển cấp có thẩm quyền xử lý, các vụ vi phạm vượt thẩm quyền xử lý của cấp xã; theo dõi việc xử lý và kiến nghị kịp thời khi việc xử lý chưa theo đúng quy định của pháp luật.	2
	Nội dung 5. Công tác chữa trị, giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm cho người bán dâm, người nghiện ma túy	13
5.1-	Triển khai các hoạt động chữa trị, phục hồi tại cộng đồng theo Nghị định số 56/2002/NĐ-CP:	
5.1.a-	Tích cực vận động cai nghiện và tổ chức cai nghiện cho người nghiện ma túy, vận động người bán dâm hoàn lương.	2
5.1.b-	Phát hiện kịp thời các đối tượng tái phạm, tái nghiện và có biện pháp giải quyết ngay.	1
5.2-	Thực hiện đúng Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và Nghị định số 146/2003/NĐ-CP:	
5.2.a-	Lập hồ sơ đề nghị đưa đối tượng vào Cơ sở chữa bệnh.	1
5.2.b-	Tiếp nhận và tổ chức quản lý, giúp đỡ, giáo dục, giải quyết việc làm tại cộng đồng đối với người cai nghiện ma túy, người bán dâm từ Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội trở về.	2
5.3-	Thực hiện quản lý, giáo dục, giúp đỡ đối tượng tại cộng đồng theo Nghị định số 163/2003/NĐ-CP.	4
5.4-	Vận động, phát huy vai trò của gia đình trong việc quản lý, giáo dục đối tượng; phối hợp với gia đình, cộng đồng giúp đối tượng ổn định cuộc sống, hoà nhập cộng đồng.	3
	Nội dung 6. Kết quả cụ thể	60
6.1-	100% đảng viên, cán bộ, nhân dân; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ để bị lợi dụng để hoạt động mại dâm và sử dụng ma túy; 100% cơ quan, trường học trên địa bàn xã, phường, thị trấn được tuyên truyền, học tập và có văn bản ký cam kết về phòng, chống TNMT, MD.	15
6.2-	Huy động kinh phí chương trình kinh tế-xã hội, đóng góp của nhân dân.	3

Mã số	Tiêu chí đánh giá				Điểm, tối đa
6.3-	Chuyển biến tình hình tệ nạn ma túy, mại dâm (tính cả người ở nơi khác đến tạm trú):				
6.3.a-	Đối với xã, phường, thị trấn trong điểm				42
	Về tệ nạn ma túy	Điểm	Về tệ nạn mại dâm	Điểm	
	Ít nhất có 40% số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được chữa trị, phục hồi.	4	Có 100% số người bán dâm có hồ sơ quản lý được chữa trị, phục hồi.	4	
	Giảm ít nhất 50% số tụ điểm TNMT.	4	Giảm ít nhất 50% số tụ điểm TNMD.	4	
	Không phát sinh đối tượng hoặc tụ điểm TNMT mới.	4	Không phát sinh đối tượng hoặc tụ điểm TNMD mới.	4	
	Ít nhất có 60% số người cai nghiện trong kỳ báo cáo không tái nghiện từ 6 tháng trở lên.	4	Ít nhất có 80% số người bán dâm được chữa trị, phục hồi không tái phạm.	4	
	Giúp đỡ, tạo điều kiện để 40% số người sau cai nghiện có việc làm, ổn định cuộc sống.	5	Giúp đỡ, tạo điều kiện để 40% số người bán dâm hoàn lương có việc làm, ổn định cuộc sống.	5	
6.3.b-	Đối với xã, phường, thị trấn có tệ nạn ma túy, mại dâm:				42
	Về tệ nạn ma túy	Điểm	Về tệ nạn mại dâm	Điểm	
	Ít nhất có 60% số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được chữa trị, phục hồi.	4	Có 100% số người bán dâm có hồ sơ quản lý được chữa trị, phục hồi.	4	
	Giảm ít nhất 70% số tụ điểm TNMT.	4	Giảm ít nhất 70% số tụ điểm TNMD.	4	
	Không phát sinh đối tượng hoặc tụ điểm TNMT mới.	4	Không phát sinh đối tượng hoặc tụ điểm TNMD mới.	4	
	Ít nhất có 80% số người cai nghiện trong kỳ báo cáo không tái nghiện từ 6 tháng trở lên.	4	Ít nhất có 90% số người bán dâm được chữa trị, phục hồi không tái phạm.	4	
	Giúp đỡ, tạo điều kiện để 50% số người sau cai nghiện có việc làm, ổn định cuộc sống.	5	Giúp đỡ, tạo điều kiện để 50% số người bán dâm hoàn lương có việc làm, ổn định cuộc sống.	5	
6.3.c-	Đối với xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy, mại dâm:				42
	Về tệ nạn ma túy	Điểm	Về tệ nạn mại dâm	Điểm	
	Không có tụ điểm TNMT, người nghiện ma túy.	15	Không có tụ điểm TNMD, người bán dâm.	15	
	Giúp đỡ, tạo điều kiện để 70% số người sau cai nghiện hoặc người có nguy cơ cao có việc làm, ổn định cuộc sống.	6	Giúp đỡ, tạo điều kiện để 70% số người bán dâm hoàn lương hoặc người có nguy cơ cao mắc TNMD có việc làm, ổn định cuộc sống.	6	
	Tổng số điểm tối đa:				100

Ghi chú:- Cộng điểm: Đối với những xã, phường, thị trấn duy trì không có người nghiện ma túy, người bán dâm, tụ điểm TNMT, TNMD, tùy theo mức độ hoạt động tích cực được cộng vào kết quả tự chấm điểm nhiều nhất là 20 điểm;

Đối với những xã, phường, thị trấn duy trì không có đối tượng, tụ điểm TNMT hoặc TNMD, tùy theo mức độ hoạt động tích cực được cộng vào kết quả tự chấm điểm nhiều nhất là 6 điểm.

- **Trừ điểm:** Trừ 30 điểm đối với những xã, phường, thị trấn tăng số tụ điểm TNMT, TNMD hoặc số người nghiện ma túy, người bán dâm tăng 10% trở lên so với số của kỳ báo cáo trước.

- TNMT: tệ nạn ma túy; TNMD: tệ nạn mại dâm.

CÁC MỨC CHUYỂN HOÁ

Biểu 5

MỨC CHUYỂN HOÁ	TIÊU CHUẨN	ĐIỂM TỐI ĐA
MỨC 1	Xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy, mại dâm	90 điểm trở lên
MỨC 1.a	<i>Xã, phường, thị trấn duy trì không có tệ nạn ma túy, mại dâm: từ kỳ trước đến kỳ này không có tụ điểm, người nghiện ma túy, người bán dâm.</i>	
MỨC 1.b	<i>Xã, phường, thị trấn chuyển hoá không còn tệ nạn ma túy, mại dâm: trước đây có tệ nạn ma túy, mại dâm, nay chuyển hoá không còn tụ điểm, người nghiện ma túy, người bán dâm.</i>	
MỨC 2	Xã, phường, thị trấn chuyển hoá mạnh	80 điểm trở lên
MỨC 3	Xã, phường, thị trấn có chuyển hoá	50 đến 79 điểm
MỨC 4	Xã, phường, thị trấn chưa chuyển hoá	49 điểm trở xuống